

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	074	6001	00000	0	0	2.036.502.001	6.029.414.118	2.036.502.001	6.029.414.118
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	074	6051	00000	0	0	33.840.000	101.437.200	33.840.000	101.437.200
Phụ cấp chức vụ	12	074	6101	00000	0	0	25.857.000	84.123.000	25.857.000	84.123.000
Phụ cấp khu vực	12	074	6102	00000	0	0	95.004.000	280.800.000	95.004.000	280.800.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	12	074	6107	00000	0	0	4.212.000	12.636.000	4.212.000	12.636.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	766.497.091	2.085.713.041	766.497.091	2.085.713.041
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	074	6113	00000	0	0	9.126.000	27.378.000	9.126.000	27.378.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	378.915.966	1.131.989.369	378.915.966	1.131.989.369
Phụ cấp khác	12	074	6149	00000	0	0	0	34.678.800	0	34.678.800
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	074	6157	00000	0	0	0	81.000.000	0	81.000.000
Các khoản hỗ trợ khác	12	074	6199	00000	0	0	0	304.200.000	0	304.200.000
Thưởng thường xuyên	12	074	6201	00000	0	0	129.168.000	129.168.000	129.168.000	129.168.000
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	431.570.119	1.280.538.708	431.570.119	1.280.538.708
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	73.983.448	219.520.921	73.983.448	219.520.921
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	0	80.571.811	0	80.571.811
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	24.601.150	72.199.005	24.601.150	72.199.005

Tiền điện	12	074	6501	00000	0	0	8.344.580	43.364.734	8.344.580	43.364.734
Tiền vệ sinh, môi trường	12	074	6504	00000	0	0	0	1.767.273	0	1.767.273
Tiền khoán phương tiện theo chế độ	12	074	6505	00000	0	0	509.760	509.760	509.760	509.760
Văn phòng phẩm	12	074	6551	00000	0	0	0	10.555.000	0	10.555.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	074	6552	00000	0	0	0	95.040.000	0	95.040.000
Vật tư văn phòng khác	12	074	6599	00000	0	0	600.000	8.004.000	600.000	8.004.000
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	12	074	6605	00000	0	0	3.356.333	10.106.092	3.356.333	10.106.092
Khác	12	074	6649	00000	0	0	1.320.000	4.730.000	1.320.000	4.730.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	12	074	6701	00000	0	0	0	800.000	0	800.000
Phụ cấp công tác phí	12	074	6702	00000	0	0	6.200.000	8.000.000	6.200.000	8.000.000
Tiền thuê phòng ngủ	12	074	6703	00000	0	0	5.250.000	7.350.000	5.250.000	7.350.000
Khoản công tác phí	12	074	6704	00000	0	0	3.000.000	9.000.000	3.000.000	9.000.000
Chi phí thuê mướn khác	12	074	6799	00000	0	0	0	1.789.200	0	1.789.200
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	074	7001	00000	0	0	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000
Chi khác	12	074	7049	00000	0	0	5.940.000	93.063.200	5.940.000	93.063.200
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	12	074	7053	00000	0	0	10.000.000	31.848.273	10.000.000	31.848.273
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	0	12.332.500	0	12.332.500
Chi các khoản khác	12	074	7799	00000	0	0	6.460.200	30.230.220	6.460.200	30.230.220
Chi tổ chức đại hội Đảng	12	074	7852	00000	0	0	4.945.300	4.945.300	4.945.300	4.945.300
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	12	074	7854	00000	0	0	11.934.000	37.206.000	11.934.000	37.206.000
Cộng:					0	0	4.078.886.948	12.367.759.525	4.078.886.948	12.367.759.525
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 10 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Truong Thi Thuy Vi

Người ký: Ly02 Nguyen Thach Ha
Ngày ký: 02/10/2025 07:35:35
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XV-PGD số 23

Ly02 Nguyen Thach Ha

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: LÊ THỊ HƯƠNG
Ngày ký: 01/10/2025 15:21:36
Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Ngô Mây (Tên viết tắt: Trường THCS và THPT Ngô Mây)
Người ký: LÊ THANH BÌNH
Ngày ký: 01/10/2025 16:01:45
Đơn vị: Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Ngô Mây (Tên viết tắt: Trường THCS và THPT Ngô Mây)

LÊ THỊ HƯƠNG

LÊ THANH BÌNH